

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: ~~496~~ /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày ~~24~~ tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong
lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 299/TTr-SCT ngày 12/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Công Thương xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của UBND tỉnh, kèm theo phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính đã được phê duyệt tại Quyết định này, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thìn

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1496/QĐ-UBND ngày 24/ 4 /2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. Thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ yêu cầu nộp Bản sao giấy phép bán buôn rượu đã được cấp.

Lý do: Giấy phép bán buôn rượu đã được Sở Công Thương (là cơ quan thụ lý hồ sơ cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) cấp cho các tổ chức, cá nhân và đã được lưu tại Sở. Do vậy không cần phải nộp kèm trong hồ sơ xin cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị bãi bỏ Điểm b Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Đề nghị quy định rõ Điểm c Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa 20%

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.212.600 đồng/năm

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.362.080 đồng/năm

- Tổng chi phí tiết kiệm: 850.520 đồng/năm.

II. Thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.

1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị bỏ yêu cầu nộp Bản sao giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp.

Lý do: Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được Sở Công Thương (là cơ quan thụ lý hồ sơ cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm

thuốc lá) cấp cho các tổ chức, cá nhân và đã được lưu tại Sở. Do vậy không cần phải nộp kèm trong hồ sơ xin cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27//2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá theo phương án sau: *“Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp”*;

- Đề nghị quy định rõ Điểm c Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27//2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa 20%

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.212.600đồng/năm

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.362.080 đồng/năm

- Tổng chi phí tiết kiệm: 850.520 đồng/năm./.